

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên và Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên (bổ sung); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên

I. Nguyên tắc phân bổ

Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên.

II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

1. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 241.490,359 triệu đồng đối với 38 dự án:

- 25 dự án hoàn thành, quyết toán (*07 dự án đã được phê duyệt quyết toán; 18 dự án đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán*) với tổng số vốn là 185.742,659 triệu đồng;

- 11 dự án không còn nhu cầu bố trí vốn với tổng số vốn là 7.386,700 triệu đồng;

- 01 dự án không tiếp tục đầu tư với tổng số vốn là 40.000 triệu đồng;

- 01 dự án điều chỉnh giảm cơ cấu tổng mức đầu tư với tổng số vốn là 8.361 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn 241.490,359 triệu đồng như sau:

a) Bổ sung kế hoạch vốn 92.751 triệu đồng cho 08 dự án

- 03 dự án theo giá trị hoàn thành, quyết toán với tổng số vốn là 5.838 triệu đồng;

- 02 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 55.559 triệu đồng;

- 01 dự án đối ứng ODA theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước với tổng số vốn là 4.235 triệu đồng;

- 01 dự án do Bộ Công an quyết định đầu tư, bố trí vốn để đối ứng giải phóng mặt bằng (*theo văn bản cam kết của Ủy ban nhân dân tỉnh*) với tổng số vốn là 17.130 triệu đồng;

- 01 dự án mới được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 9.989 triệu đồng (*Nhà in Báo Thái Nguyên*).

b) Bổ sung vào dự phòng chưa phân bổ: 148.739,359 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh

2.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 294.412 triệu đồng đối với 09 dự án như sau:

- 01 dự án đã hoàn thành không còn nhu cầu bố trí vốn với tổng số vốn là 1.840 triệu đồng;

- 04 dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư không yêu cầu đối ứng ngân sách địa phương với tổng số vốn là 90.000 triệu đồng;

- 04 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 202.572 triệu đồng.

2.2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn 294.412 triệu đồng như sau:

- a) Bổ sung kế hoạch vốn 277.010,390 triệu đồng cho 04 dự án
 - 02 Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 252.226,390 triệu đồng;
 - 01 dự án đối ứng ngân sách địa phương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư với tổng số vốn là 20.000 triệu đồng;
 - 01 dự án để hoàn trả vốn vay, ứng từ các Quỹ với tổng số vốn là 4.784 triệu đồng.
- b) Bổ sung vào dự phòng chưa phân bổ: 17.401,610 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Phân bổ chi tiết, bổ sung vốn đối ứng nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng kế hoạch vốn được phân bổ chi tiết là: 98.199 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

4. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng trả nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất

4.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ 4.417.389 triệu đồng còn 1.243.700 triệu đồng (*giảm dự phòng cho các dự án đang chuẩn bị đầu tư là 3.173.689 triệu đồng do không thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

4.2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn 2.536,600 triệu đồng như sau:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 2.536,600 triệu đồng đối với 04 dự án: 03 dự án đã được phê duyệt quyết toán với tổng số vốn là 2.396,586 triệu đồng; 01 dự án không còn nhu cầu bố trí vốn với tổng số vốn là 140,014 triệu đồng.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 2.536,600 triệu đồng cho dự án Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT266 (đoạn Km3 ÷ Km4+725,87) - dự án đã được phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN**

NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)

(Kèm theo Nghị quyết số:30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	TỔNG SỐ		4.899.323	2.311.689	2.099.883	995.167,700	241.490,359	241.490,359	995.167,700		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		4.158.490	2.161.309	1.731.699	933.912,700	241.490,359	-	692.422,341		
I	Quốc phòng		102.764	73.480	29.284	13.888,000	6.957,800		6.930,200		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành</i>										
1	Đường Na Giang - Khe Rạc - Cao Sơn xã Vũ Chấn đi Cao Biền xã Phú Thượng,	Các Quyết định số: 2990/QĐ-UBND	102.764	73.480	29.284	13.888,000	6.957,800		6.930,200	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	Dự án đang trình phê duyệt quyết toán. Khối lượng

	huyện Võ Nhai	ngày 30/10/2015; số 3492/QĐ- UBND ngày 09/11/2017									hoàn thành giảm so với Tổng mức đầu tư
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		75.786	-	72.786	20.253,000	5.677,973		14.575,027		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành quyết toán</i>		75.786	-	72.786	20.253,000	5.677,973	-	14.575		
1	Đồn Công an và Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu công nghiệp Yên Bình	Quyết định số 604/QĐ- UBND ngày 28/3/2016	75.786		72.786	20.253,000	5.677,973		14.575,027	Công an tỉnh	Đã phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3415/QĐ- UBND ngày 31/12/2022 với giá trị quyết toán là 69,337 tỷ đồng
III	Y tế, dân số và gia đình		40.000		40.000	40.000,000	40.000,000		-		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>		40.000	-	40.000	40.000,000	40.000,000	-	-		

1	Xây dựng nền tảng tích hợp dữ liệu, điều hành tập trung và phát triển hệ thống chuyên ngành y tế tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025	Nghi quyết số 168/NQ-HĐND ngày 12/8/2022	40.000		40.000	40.000,000	40.000,000		-	Sở Y tế	Không tiếp tục đầu tư theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh
IV	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		311.234	16.028	286.845	181.008,000	35.672,000		145.336,000		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành, quyết toán</i>		<i>281.234</i>	<i>16.028</i>	<i>265.206</i>	<i>151.008,000</i>	<i>27.311,000</i>		<i>123.697,000</i>		
1	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Phú Lương	Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	23.806		23.806	4.306,000	100,000		4.206,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư
2	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Đại Từ	Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	20.147		20.147	5.147,000	1.300,000		3.847,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư
3	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	39.399		39.399	37.399,000	3.832,000		33.567,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư
4	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Đồng Hỷ	Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	35.585		35.585	11.433,000	3.800,000		7.633,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư

5	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Định Hóa tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63.697	16.028	47.669	15.102,000	6.300,000	8.802,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư
6	Xây dựng Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại từ	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	98.600		98.600	77.621,000	11.979,000	65.642,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Khối lượng hoàn thành, giám so với Tổng mức đầu tư
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		30.000	-	21.639	30.000,000	8.361,000	21.639,000		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	30.000		21.639	30.000,000	8.361,000	21.639,000	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	Dự án được điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư: Ngân sách tỉnh 21.639 triệu đồng; vốn Chương trình Dân tộc miền núi 8,361 triệu đồng; Chủ đầu tư thành UBND huyện Định Hóa tại Quyết định 2405/QĐ-UBND ngày 03/10/2022
V	Bảo vệ môi trường		149.194	125.368	23.826	11.475,000	2.855,000	8.620,000		
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 hoàn thành		149.194	125.368	23.826	11.475,000	2.855,000	-	8.620,000	

1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	149.194	125.368	23.826	11.475,000	2.855,000	8.620,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án đang trình phê duyệt quyết toán. Khối lượng hoàn thành, giám so với Tổng mức đầu tư
VI	Các hoạt động kinh tế		3.327.740	1.865.468	1.213.151	658.441,000	146.883,484	511.557,516		
VI.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		679.665	376.248	182.365	84.163,000	20.759,584	-	63.403,416	
*	<i>Dự án hoàn thành giai đoạn 2016 - 2020</i>		<i>194.372,000</i>	<i>169.248,000</i>	<i>25.124,000</i>	<i>3.815,000</i>	<i>1.826,584</i>	-	<i>1.988,416</i>	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đông Xiên, xã Yên Lạc; đập Núi Phấn xã Động Đạt, huyện Phú Lương	Các Quyết định số: 1609/QĐ-UBND ngày 26/7/2012; số 1582/QĐ-UBND ngày 30/6/2015	30.106	27.134	2.972	366,000	86,000	280,000	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi	Dự án đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2021, dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
2	Công trình thủy lợi hồ Nước Hai huyện Phổ Yên	Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 13/6/2012	143.750	142.114	1.636	866,000	806,000	60,000	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi	Theo đề nghị của Chủ đầu tư, dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

3	Xây dựng công lấy nước cung cấp nước thô cho Nhà máy nước sạch Yên Bình	Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 12/6/2014	15.232		15.232	1.683,000	34,584		1.648,416	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi	Dự án đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 14/3/2023, dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
4	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau hồ Trại Gạo	Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 14/6/2012	5.284		5.284	900,000	900,000		-	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi	Theo đề nghị của Chủ đầu tư, dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành</i>		485.293	207.000	157.241	80.348,000	18.933,000		-	61.415,000	
1	Xây dựng Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3136/QĐ-UBND ngày 12/10/2017; số 3341/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; số 3761/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; số 2141/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	38.000	25.000	13.000	9.723,000	390,000		9.333,000	Chi cục Phát triển Nông thôn	Đã phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 với giá trị quyết toán là 37,558 tỷ đồng

2	Xây mới công số 1, số 6 đê Chã, công số 8 đê sông Công	Các Quyết định số:2218/QĐ-UBND ngày 25/10/2012; số 3819/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; số 1433/QĐ-UBND ngày 06/6/2017; số 3496/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	29.098	20.510	8.588	2.665,000	411,000		2.254,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
3	Kè Xuân Vinh, xã Trung Thành, huyện Phò Yên	Các Quyết định số: 1368/QĐ-UBND ngày 16/6/2010; số 2252/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	6.699	2.159	4.540	160,000	131,000		29,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
4	Kè xóm Soi, huyện Phò Yên	Các Quyết định số: 1285/QĐ-UBND ngày 05/6/2009; 2539/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	12.641	6.907	5.734	2.606,000	351,000		2.255,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
5	Dự án Xử lý cấp bách đê tả Công đoạn từ K2+000-K5+000	Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	25.000	20.000	5.000	5.000,000	307,000		4.693,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

6	Dự án Kè đê Chã K5+050-K5+450	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	45.000	35.000	10.000	10.000,000	2.541,000	7.459,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
7	Dự án Sửa chữa, nâng cấp đập Pác Tác, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 17/6/2010	27.092		27.092	2.584,000	1.497,000	1.087,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
8	Đường cứu hộ, cứu nạn đê Sông Công đoạn từ Quốc lộ 3 (K35+350) đến đê Sông Công (K4+900), thị xã Phổ Yên	Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	16.088	-	16.088	9.688,000	536,000	9.152,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Đã phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 với giá trị quyết toán là 15,551 tỷ đồng
9	Kè chống xói lở bờ sông Cầu bảo vệ khu dân cư xã Bảo Lý và xã Đào Xá, huyện Phú Bình	Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 22/5/2020	35.000	20.000	15.000	5.546,000	44,000	5.502,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
10	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; số 580/QĐ-UBND ngày 4/3/2021	127.575		6.523	2.068,000	117,000	1.951,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

11	Hồ chứa nước Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 2981/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 4105/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	123.100	77.424	45.676	30.308,000	12.608,000		17.700,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án đang trình phê duyệt quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn
VI.2	Giao thông		2.582.463	1.489.220	965.174	518.666,000	123.215,000	-	395.451,000		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành quyết toán</i>		<i>2.211.507</i>	<i>1.368.140</i>	<i>742.514,000</i>	<i>326.753,000</i>	<i>101.283,000</i>	<i>-</i>	<i>225.470,000</i>		
1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT.266 (Khu công nghiệp Diềm Thụy)	Các Quyết định số: 1173/QĐ-UBND ngày 13/6/2014; số 2233/QĐ-UBND ngày 09/10/2014; số 204/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	325.773	-	297.740	28.033,000	6.753,000		21.280,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án

2	Đường nối từ Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình (đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km1+631,8)	Các Quyết định số: 2073/QĐ-UBND ngày 19/9/2014; số 1234/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	383.504	200.000	145.801	37.703,000	21.435,000	16.268,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
3	Nâng cấp đường Hóa Thượng - Hòa Bình (Nâng cấp thành đường ĐT.273)	Các Quyết định số: 3295/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; số 395/QĐ-UBND ngày 19/2/2021	150.835	90.000	35.371	25.464,000	15.630,000	9.834,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
4	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 2726/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	179.653	121.080	48.920	9.653,000	4.269,000	5.384,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
5	Đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (Đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông -Tây Khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu)	Các Quyết định số: 2187/QĐ-UBND ngày 20/7/2017; 2988/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	952.813	760.000	192.813	205.900,000	50.853,000	155.047,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	- Điều chỉnh giảm 37.266 triệu đồng vốn năm 2023 đã bố trí cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án; - Điều chỉnh giảm 13.587 triệu đồng do giảm tổng mức đầu tư dự án.

6	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 3048/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	218.929	197.060	21.869	20.000,000	2.343,000		17.657,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành quyết toán		200.956	-	173.740	173.740,000	16.932,000		-	156.808,000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.266 đoạn từ ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến ngã tư Diềm Thụy (giao Quốc lộ 37)	Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	200.956	-	173.740	173.740,000	16.932,000		156.808,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện		170.000	121.080	48.920,000	18.173,000	5.000,000		-	13.173,000	
1	Đường Tràng Xá - Phương Giao, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên nối huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3476/QĐ-UBND ngày 08/11/2017; 4018/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	170.000	121.080	48.920	18.173,000	5.000,000		13.173,000	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	Khối lượng hoàn thành, quyết toán giám so với Tổng mức đầu tư

VI.3	Quy hoạch		65.612	-	65.612	55.612,000	2.908,900		52.703,100		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành</i>		65.612	-	65.612	55.612,000	2.908,900	-	52.703,100		
1	Lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	65.612		65.612	55.612,000	2.908,900		52.703,100	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Dự án đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		86.772	38.063	48.709,00	5.787,700	1.623,179	-	4.164,521		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</i>		72.275	38.063	34.212	5.290,000	1.341,479		3.948,521		
1	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 21/QĐ-TWĐTN ngày 26/12/2012	72.275	38.063	34.212	5.290,000	1.341,479		3.948,521	Tỉnh đoàn Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán tại quyết định 1876-QĐ/TWĐTN-VP ngày 29/11/2022, không còn nhu cầu bố trí vốn

*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>		14.497	-	14.497	498	282	-	216		
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	14.497		14.497	497,700	281,700		216,000	Sở Giao thông vận tải	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu bố trí vốn
VIII	Xã hội		65.000	42.902	17.098	3.060,000	1.820,923		1.239,077		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</i>		65.000	42.902	17.098	3.060,000	1.820,923	-	1.239,077		
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	65.000	42.902	17.098	3.060,000	1.820,923		1.239,077	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 15/3/2023, không còn nhu cầu bố trí vốn
B	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN		740.833	150.380	368.184	61.255,000	-	241.490,359	302.745,359		
I	Quốc phòng		103.964	72.010	30.103	1.607,000	-	2.738,000	4.345,000		
*	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành, quyết toán</i>		103.964	72.010	30.103	1.607,000	-	2.738,000	4.345,000		

1	Dự án Trung tâm huấn luyện dự bị động viên - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 1580/QĐ-UBND ngày 2/7/2012; số 285/QĐ-UBND ngày 09/02/2017	89.502	68.160	21.341	1.607,000		2.089,000	3.696,000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	Bổ sung vốn cho các dự án theo giá trị hoàn thành, quyết toán
2	Dự án Xây dựng, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	Các Quyết định số 354/QĐ-BCH ngày 15/11/2015; số 403/QĐ-BCH ngày 26/9/2017	14.462	3.850	8.762	0		649,000	649,000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	Bổ sung vốn cho các dự án theo giá trị hoàn thành, quyết toán
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		103.131	-	93.111	23.253,000	-	53.533,000	76.786,000		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện</i>		<i>103.131</i>	-	<i>93.111</i>	<i>23.253,000</i>	-	<i>53.533,000</i>	<i>76.786,000</i>		
1	Xây dựng Trường THPT Lý Nam Đế, thị xã Phổ Yên	Các Quyết định số: 439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; số 3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	103.131		93.111	23.253,000		53.533,000	76.786,000	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
III	Các hoạt động kinh tế		243.249	-	32.851	16.915,000		6.261,000	23.176,000		

	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		243.249	-	32.851	16.915,000		6.261,000	23.176,000		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>		12.026	-	12.026	10.000,000		2.026,000	12.026,000		
1	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	Các Nghị quyết số: 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; số 91/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; số 3267/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	12.026		12.026	10.000,000		2.026,000	12.026,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bổ sung vốn theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục thực hiện</i>		231.223	-	20.825	6.915,000		4.235,000	11.150,000		

1	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3074/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; số 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 ; số 1545/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	231.223		20.825	6.915,000		4.235,000	11.150,000	Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện chủ trương bố trí tăng vốn Ngân sách địa phương để hoàn trả vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) tại Văn bản số 6261/UBND-CNNXD ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		185.000	-	185.000	19.480,000		3.100,000	22.580,000		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</i>		185.000	-	185.000	19.480,000		3.100,000	22.580,000		
1	Nhà đa chức năng của tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	185.000		185.000	19.480,000		3.100,000	22.580,000	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Bổ sung vốn cho các dự án theo giá trị hoàn thành, quyết toán
V	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		105.489	78.370	27.119	-	-	175.858,359	175.858,359		

*	<i>Hỗ trợ đầu tư thực hiện giải phóng mặt bằng cho trụ sở công an huyện</i>		95.500	78.370	17.130	-		17.130,000	17.130,000		
1	Cơ sở làm việc công an huyện Định Hóa thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1687/QĐ-BCA-H02 ngày 31/3/2023	95.500	78.370	17.130			17.130,000	17.130,000	Công an tỉnh	UBND tỉnh đã có văn bản cam kết đối ứng số 6250/UBND-TH ngày 12/12/2022
*	<i>Dự phòng cho các dự án đang chuẩn bị đầu tư</i>		9.989	-	9.989	-	-	9.989	9.989		
1	Nhà in Báo Thái Nguyên	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	9.989		9.989	-		9.989,000	9.989,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

*	Dự phòng chưa phân bổ							148.739,359	148.739,359		<p><i>Trong đó: Dự phòng bổ trí vốn đối ứng giải phóng mặt bằng cho dự án do Bộ Công an quyết định đầu tư, dự kiến 23.053 triệu đồng; Bổ sung 35.000 triệu đồng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới theo Kết luận số 1162-KL/TU ngày 05/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh</i></p>
---	------------------------------	--	--	--	--	--	--	-------------	-------------	--	---

Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
TỈNH THÁI NGUYÊN NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	TỔNG SỐ		6.002.824	4.235.404	1.594.577	1.259.146,00	294.412,00	294.412,00	1.259.146,00		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		1.048.607	540.000	389.989	529.084	294.412,00	0	234.672		

	Các hoạt động kinh tế		1.048.607	540.000	389.989	529.084	294.412,00		234.672	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		576.979	470.000	106.979	93.984	91.840,00		2.144	
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>									
1	Tu bổ xung yếu hệ thống đê, điều giai đoạn 2021 - 2025 (Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, thị xã Phổ Yên đoạn từ Km4+800 đến K9+500)	Quyết định số 3245/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022	50.000	30.000	20.000	20.000	20.000,000		0	Dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (tại Quyết định số 3245/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022). Do vậy, Tỉnh không cần bố trí nguồn vốn đối ứng

2	Nâng cấp đê Hà Châu chống lũ, kết hợp làm đường giao thông phục vụ phát triển dân sinh		230.000	200.000	30.000	30.000	30.000,000		0	Tại Quyết định số 3079/QĐ-BNN-KH ngày 16/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021 - 2025, không có chủ trương đầu tư và bố trí vốn cho dự án này. Do vậy, Tỉnh không cần bố trí nguồn vốn đối ứng
3	Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (Hồ Núi Cốc: Đồi mới; cải tạo đập chính; sửa chữa đập phụ; thay thế cửa van tràn số 1 và số 2. Hạ du: Xây dựng cầu Đá mài (ngầm tràn số 3); nạo	Quyết định số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021	160.000	140.000	20.000	20.000	20.000,000		0	Không cần bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (Thay đổi tên theo Quyết định số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 của Bộ Nông

	vết cục bộ lòng dẫn sông Công hạ du Hồ Núi Cốc; kè chống sạt lở hai bên bờ Sông Công (Thành phố Thái Nguyên, Thành phố Sông Công, thị xã Phô Yên)										ngiệp và Phát triển nông thôn).
4	Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía bắc (Kè gia cố chống sạt lở bờ Sông Công đoạn qua thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên có chiều dài khoảng 1,9 km)	Quyết định số 3385/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021	120.000	100.000	20000	20000	20.000,000		0		Dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (tại Quyết định số 751/QĐ-BNN-ĐĐ ngày 01/3/2023). Do vậy, Tỉnh không cần bố trí nguồn vốn đối ứng
5	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định 1882/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	16.979		16.979	3984	1.840,000		2.144,000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
II	Giao thông		471.628	70.000	283.010	435.100	202.572,000		232.528		

*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục đầu tư</i>		302.010	70.000	232.010	384.500	162.990		221.510		
1	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà trường niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	Các Quyết định số: 3050/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; số 3403/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/5/2023	302.010	70.000	232.010	384.500	162.990,000		221.510	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17/5/2023
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>		169.618	0	51.000	50.600	39.582,000		11.018		
1	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Ngã tư Thanh Xuyên đi đê Chã, thị xã Phổ Yên	Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70.000		21.000	20.800	16.271,000		4.529	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	Do đã điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư ngân sách tỉnh sang ngân sách thành phố Phổ Yên tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/3/2023

2	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, Phường Ba Hàng, thị xã Phố Yên	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	49.618		15.000	14.900	11.656,000		3.244	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên	Do đã điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư ngân sách tỉnh sang ngân sách thành phố Phố Yên tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
3	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân y 91, thị xã Phố Yên	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	50.000		15.000	14.900	11.655,000		3.245	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phố Yên	Do đã điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư ngân sách tỉnh sang ngân sách thành phố Phố Yên tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
B	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN		4.954.217	3.695.404	1.204.588	730.062,000	0,000	294.412	1.024.474		
I	Thể dục, thể thao		535.992	200.000	335.992	266.062		69.630	335.692,000		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										

1	Dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn Hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước	Quyết định số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023; số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023	160.000	140.000	20.000	0,00		20.000	20.000		Ngân sách tỉnh bố trí để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II. 2	Giao thông		4.204.000	3.355.404	848.596	464.000		182.596,390	646.596,390		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										
1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Các Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; số 3195/QĐ-	4.204.000	3.355.403,610	848.596,390	464.000		182.596,390	646.596,390	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh

		UBND ngày 20/12/2022									
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		54.225	0	0	0	0	22.185,61	22.185,61		
*	<i>Dự án hoàn trả vốn vay, ứng từ các Quỹ</i>		54.225	0	0	0	0	4.784	4.784		
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xóm Gò Cao, xã Hóa Thượng	Các Quyết định số: 385/QĐ- UBND ngày 20/2/2017; Các Quyết định số: 195/QĐ- UBND ngày 22/01/2019; số 3692/QĐ- UBND ngày 04/12/2018	54.225			0		4.784	4.784	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Hoàn trả vốn vay của Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, thanh toán khối lượng thực hiện dự án (xử lý dứt điểm dự án đầu tư đã triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020)
*	<i>Dự phòng chưa phân bổ</i>							17.401,610	17.401,610		

Phụ lục III

PHÂN BỐ CHI TIẾT, BỔ SUNG VỐN ĐỐI ỨNG SÁCH TÌNH HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022			Phân bổ chi tiết phần còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 24/NQ- HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022	Tổng kế hoạch vốn sau khi được phân bổ	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 26/NQ- HĐND ngày 16/6/2022	Phân bổ chi tiết cho phần còn lại				
	(1)	(2)=(3)+(4)	(3)	(4)	(5)	(6)=(2)+(5)	(7)	(8)
	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật							

	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025</i>								
*		76.517	59.321	17.196	21.682	98.199			
1	Ban Dân tộc tỉnh		1.099			1.099	Ban Dân tộc tỉnh	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo		3.216			3.216	Sở Giáo dục và Đào tạo		
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		7.928			7.928	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
4	Huyện Đại Từ		6.466	531	5.000	11.997	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ		
5	Huyện Phú Lương		3.604	1.983	4.682	10.269	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương		

6	Huyện Đồng Hỷ		6.086	4.467	7.000	17.553	Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ	
7	Huyện Định Hóa		13.920	2.049		15.969	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	
8	Huyện Võ Nhai		15.664	8.166	5.000	28.830	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	
9	Huyện Phú Bình		1.338			1.338	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình	Đã phân bổ tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022

Phụ lục IV

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
TỈNH THÁI NGUYÊN NGUỒN VỐN: THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ CƠ SỞ HẠ TẦNG
TRẢ NỘP MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	Nguồn vốn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng trả nỘp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất					4.417.389,000	3.176.225,600	2.536,600	1.243.700,000		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		229.610	0	229.610	3.341.572,000	3.176.225,600		165.346,400		
I	Hạ tầng khu công nghiệp		229.610	0	229.610	167.883,000	2.536,600		165.346,400		

1	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và nhà ở cho công nhân khu công nghiệp Đầm Thụy (Phần diện tích 180 ha).	Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	198.337		198.337	165.384,000	140,014		165.243,986	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Dự án điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu sử dụng vốn
2	Mương thoát nước ngập úng cho khu vực ngoài Quy hoạch Khu công nghiệp Đầm Thụy (diện tích 180 ha)	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 06/10/2014	14.038		14.038	1.966,000	1.898,582		67,418	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
3	San nền tạo khuôn viên cây xanh và cảnh quan khu vực xen kèp giữa đường Gom vào Khu công nghiệp Yên Bình và Quốc lộ 3 mới	Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	14.797		14.797	280,000	245,004		34,996	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
4	Xây dựng bổ sung đường dây điện và trạm cắt 35KV cấp điện tạm thời 14 NM	Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 05/12/2014	2.438		2.438	253,000	253,000		0,00	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		0,00	0,00	0,00	3.173.689,000	3.173.689,000		0,00		

*	Dự phòng cho các dự án đang chuẩn bị đầu tư					3.173.689,000	3.173.689,000		0,00		Giảm nguồn thu do không thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		76.833	0	76.833	11.410,000		2.536,600	13.946,600		
1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT266 (đoạn Km3 ÷ Km4+725,87)	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	76.833		76.833	11.410,000		2.536,600	13.946,600	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thái Nguyên	Dự án đã được phê duyệt toàn phần xây lắp